

PHỤ LỤC
PHÁT TRIỂN NÔNG, LÂM NGHIỆP CHỦ LỰC TẬP TRUNG, BỀN VỮNG GẮN VỚI CHẾ BIẾN,
TIÊU THỤ SẢN PHẨM GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Kế hoạch số:177/KH-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2026 của UBND xã)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực trạng năm 2025	Kế hoạch đến năm 2030	Vùng trồng
1	Lúa J02				
-	Diện tích	Ha	80	90-120	Tập trung tại các thôn Mỏ Vàng, Quyết Thắng, Quyết Tiến, Đồng Mạ, Đồng Sinh, Hợp Thành, Tân Châu, Đá Mài, Dân Tiến, Thống Nhất, Đoàn Kết, Làng Gia, Làng Quặng, Mỏ Ấm.
-	Sản lượng	Tấn	540	607,5 – 810	
-	Giá trị hàng hóa	Tỷ đồng	5,67	6,4 – 8,5	
2	Khoai tây liên kết tiêu thụ sản phẩm				
-	Diện tích	Ha	20	90-120	Tập trung tại các thôn Mỏ Vàng, Quyết Thắng, Quyết Tiến, Đồng Mạ, Đồng Sinh, Hợp Thành, Đá Mài, Thống Nhất, Đoàn Kết, Mỏ Ấm.
-	Sản lượng	Tấn	432	1944	
-	Giá trị hàng hóa	Tỷ đồng	3,54	15,9	
3	Na				
-	Diện tích	Ha	150	180	Đồng Mạ, Đồng Sinh, Quyết Tiến, Quyết Thắng, Mỏ Vàng, Đoàn Kết...
-	Năng suất	Tạ/ha	98	100	

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực trạng năm 2025	Kế hoạch đến năm 2030	Vùng trồng
-	Sản lượng	Tấn	1.470	1.800	
-	Giá trị/ha	Triệu đồng	350	400	
-	Giá trị hàng hóa	Tỷ đồng	52,5	72	
4	Cây ăn quả				
-	Diện tích	Ha	371	380	Liên Phương, Làng Cà, Làng Gia, Hợp Thành, Mỏ Vàng, Làng Trang, Minh Tiến...
-	Năng suất	Tạ/ha	51	55	
-	Sản lượng	Tấn	1892	2090	
-	Giá trị/ha	Triệu đồng	90	100	
-	Giá trị hàng hóa	Tỷ đồng	33,39	38	
5.	Cây lâm nghiệp				
-	Diện tích/năm	Ha	200	200	
-	Giá trị hàng hóa	Tỷ đồng	25	30	
5	Cây dược liệu (Bồ khai)				
-	Diện tích	Ha	2,6	30-50	Mơ Vầu, Thống Nhất, Đoàn Kết
-	Giá trị hàng hóa	Tỷ đồng		5	

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực trạng năm 2025	Kế hoạch đến năm 2030	Vùng trồng
6	Diện tích nuôi Ốc nhồi	Ha	16	20	Lân Luông, Địa Phận, Làng Cà, Làng Gia, ...